



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Tháng 3, năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 từ trang 5 đến trang 24 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Ninh Viết Định	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên
Ông Đinh Văn Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Tuấn Hải	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 24 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *Ưư*



Lê Tuấn Hải
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 09 tháng 03 năm 2011



Số: 34 /2011/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 09 tháng 03 năm 2011, trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công tác chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cũng cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam



Nguyễn Tự Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV

Tô Thị Thanh Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1183/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		175.864.500.589	266.847.865.556
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.227.052.238	108.965.928.799
1. Tiền	111		1.227.052.238	73.965.928.799
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	35.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	119.126.251.282	138.981.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		119.126.251.282	138.981.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.849.997.677	12.616.164.929
1. Phải thu khách hàng	131		38.494.078.278	5.526.419.639
2. Trả trước cho người bán	132		123.750.000	273.514.450
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	11.232.169.399	6.816.230.840
IV. Hàng tồn kho	140		5.109.636.963	5.107.090.328
1. Hàng tồn kho	141	V.4	5.109.636.963	5.107.090.328
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		551.562.429	1.177.681.500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		152.048.529	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		399.513.900	1.177.681.500
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.143.553.500.449	1.225.368.388.131
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		923.387.097.949	1.052.083.985.631
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	913.048.101.068	1.041.990.117.686
- Nguyên giá	222		1.966.617.620.234	1.964.374.602.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.053.569.519.166)	(922.384.485.230)
3. Tài sản cố định vô hình	227		10.005.869.487	10.005.869.487
- Nguyên giá	228		10.069.564.760	10.069.564.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.695.273)	(63.695.273)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5	333.127.394	87.998.458
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.6	219.968.000.000	172.858.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		29.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.400.000.000	1.400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		188.568.000.000	171.458.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		198.402.500	426.402.500
3. Tài sản dài hạn khác	268		198.402.500	426.402.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.319.418.001.038	1.492.216.253.687

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		538.819.127.486	639.829.409.028
I. Nợ ngắn hạn	310		123.328.879.040	146.685.007.774
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	77.624.000.000	77.624.000.000
2. Phải trả người bán	312		5.101.848.494	845.664.348
3. Người mua trả tiền trước	313		228.000.000	1.220.012.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	6.473.508.029	41.413.177.964
5. Phải trả người lao động	315		11.490.206.993	5.619.482.263
6. Chi phí phải trả	316	V.10	15.305.860.874	15.779.343.492
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11	5.046.848.751	3.940.526.817
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.058.605.899	242.800.390
II. Nợ dài hạn	330		415.490.248.446	493.144.401.254
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	415.490.248.446	493.114.248.446
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	30.152.808
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		780.598.873.552	852.386.844.659
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	780.598.873.552	852.386.844.659
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.057.749.614	7.057.749.614
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.197.387.119	3.453.588.532
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		56.343.736.819	141.875.506.513
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.319.418.001.038	1.492.216.253.687

Bình Phước, ngày 09 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh



Lê Tuấn Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	267.009.610.995	442.039.683.196
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		267.009.610.995	442.039.683.196
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	175.160.293.308	176.102.233.682
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		91.849.317.687	265.937.449.514
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.694.863.790	27.452.970.494
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	67.520.051.673	71.536.912.491
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		67.520.051.673	71.536.912.491
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.368.055.898	9.696.900.462
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.656.073.906	212.156.607.055
11. Thu nhập khác	31		77.381.285	408.721.776
12. Chi phí khác	32		-	574.544.704
13. Lợi nhuận khác	40		77.381.285	(165.822.928)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.733.455.191	211.990.784.127
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	7.678.113.798	37.129.870.925
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.055.341.393	174.860.913.202
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	329	2.498

Bình Phước, ngày 09 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh




Lê Tuấn Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		30.733.455.191	211.990.784.127
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		131.185.033.936	128.031.612.720
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(18.991.548.790)	(27.452.970.494)
- Chi phí lãi vay	6		67.520.051.673	71.536.912.491
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		210.446.992.010	384.106.338.844
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(40.853.157.981)	201.944.958.493
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(2.546.635)	(696.684.563)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		17.879.223.482	2.518.201.012
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(152.048.529)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(68.238.663.227)	(85.183.044.893)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(40.156.918.177)	(2.197.098.677)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.220.012.500	129.423.367
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.985.204.547)	(2.848.271.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		78.157.688.896	497.773.822.088
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.749.010.957)	(10.083.059.046)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(167.903.777.778)	(140.280.000.000)
4. Tiền bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		117.466.652.196	145.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(47.110.000.000)	(152.080.000.000)
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.289.067.757	27.452.970.494
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(91.007.068.782)	(129.990.088.552)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(89.535.968.005)
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(77.624.000.000)	(77.624.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.265.496.675)	(96.445.490.567)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(94.889.496.675)	(263.605.458.572)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(107.738.876.561)	104.178.274.964
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		108.965.928.799	4.787.653.835
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.I	1.227.052.238	108.965.928.799

Bình Phước, ngày 09 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Trưởng Giám đốc



Lê Tuấn Hải

Các Thuyết minh Báo cáo tài chính từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 38.00.311.306 thay đổi lần 4 ngày 07/10/2010. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 55.941.500 cổ phần tương ứng với 559.415.000.000 đồng, chiếm 79,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 14.058.500 cổ phần tương ứng với 140.585.000.000 đồng, chiếm 20,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2010 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp; cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ; đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; du lịch./.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán đang được Công ty áp dụng là hình thức chứng từ ghi số

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 20/03/2006 về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp” và Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2009 về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp”), và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ được lập trên cơ sở hợp cộng Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Trung tâm Dịch vụ và Sửa chữa Cơ điện.

2. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm là chi phí thực hiện các hợp đồng dịch vụ chưa hoàn thành.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Lập dự phòng

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

7. Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp)

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	6 - 10
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

8. Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043.
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059.

Trong năm 2010, Công ty không tiến hành trích khấu hao tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn với tỷ lệ nhỏ hơn 20% quyền biểu quyết, các khoản này được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

10. Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, cụ thể:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

12. Ghi nhận doanh thu, chi phí

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Tiền mặt	186.109.109	226.503.357
Tiền gửi ngân hàng	1.040.943.129	73.739.425.442
Các khoản tương đương tiền	-	35.000.000.000
Cộng	1.227.052.238	108.965.928.799

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	119.126.251.282	138.981.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại NHPT Bình Phước</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>2.280.000.000</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại NHCT Bình Phước</i>	<i>35.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại NHCT CN8 Tp. Hồ Chí Minh</i>	<i>70.576.000.000</i>	<i>106.701.000.000</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty tài chính CP Điện lực</i>	<i>-</i>	<i>20.000.000.000</i>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại NHTMCP Quốc Tế - CN Sài Gòn</i>	<i>11.050.251.282</i>	<i>-</i>
Cộng	119.126.251.282	138.981.000.000

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn xác định trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Trả hộ BQLDA TĐ Thác Mơ mở rộng	7.737.777.485	3.512.717.019
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.405.480.333	3.234.601.900
Phải thu khác	88.911.581	68.911.921
Cộng	11.232.169.399	6.816.230.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.882.714.202	3.267.157.810
Công cụ, dụng cụ	280.963.345	263.815.395
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	945.959.416	1.576.117.123
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	5.109.636.963	5.107.090.328

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	333.127.394	87.998.458
Trong đó:		
+ <i>Nâng cấp thiết bị thị trường điện</i>	333.127.394	87.998.458

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	29.000.000.000	-
+ Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên	29.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	2.400.000.000	1.400.000.000
+ Công ty CP Phong điện Thuận Bình	2.400.000.000	1.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	188.568.000.000	171.458.000.000
+ Công ty CP thủy điện Sêsan 4	9.978.000.000	9.978.000.000
+ Công ty CP thủy điện Sêrêpok	10.800.000.000	10.800.000.000
+ Công ty CP Cơ điện Đồng Nai	1.100.000.000	1.100.000.000
+ Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000	149.580.000.000
+ Công ty CP Thủy điện Đăkrosa	17.110.000.000	-
Cộng	219.968.000.000	172.858.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

7. Vay và nợ ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	77.624.000.000	77.624.000.000
- Tập đoàn Điện lực	42.624.000.000	42.624.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	35.000.000.000	35.000.000.000
Cộng	77.624.000.000	77.624.000.000

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Thuế GTGT	929.887.644	2.692.847.348
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.651.066.546	37.129.870.925
Thuế thu nhập cá nhân	71.242.172	99.510.651
Thuế tài nguyên	821.311.667	1.490.949.040
Cộng	6.473.508.029	41.413.177.964

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện, vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	1.240.308.556.436	597.751.383.753	116.854.031.938	9.460.630.789	1.964.374.602.916
- Mua trong kỳ	2.243.017.318	-	-	-	2.243.017.318
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.242.551.573.754</u>	<u>597.751.383.753</u>	<u>116.854.031.938</u>	<u>9.460.630.789</u>	<u>1.966.617.620.234</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	557.176.762.925	303.518.713.501	53.150.062.904	8.538.945.900	922.384.485.230
- Khấu hao trong kỳ	44.073.693.522	73.197.308.849	13.059.341.074	854.690.491	131.185.033.936
Tại ngày 31/12/2010	<u>601.250.456.447</u>	<u>376.716.022.350</u>	<u>66.209.403.978</u>	<u>9.393.636.391</u>	<u>1.053.569.519.166</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	<u>683.131.793.511</u>	<u>294.232.670.252</u>	<u>63.703.969.034</u>	<u>921.684.889</u>	<u>1.041.990.117.686</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>641.301.117.307</u>	<u>221.035.361.403</u>	<u>50.644.627.960</u>	<u>66.994.398</u>	<u>913.048.101.068</u>

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố các khoản vay: 456.524.050.534

* Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31/12/2010 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.135.051.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

10. Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	333.127.394	87.998.458
Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.916.289.034	7.081.345.034
Lãi vay phải trả Công ty tài chính Cổ phần	9.056.444.446	8.610.000.000
Cộng	15.305.860.874	15.779.343.492

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	138.760.427	129.146.140
Phải trả cổ tức cho cổ đông	4.370.227.326	2.573.616.900
Các khoản phải trả khác	537.860.998	1.237.763.777
Cộng	5.046.848.751	3.940.526.817

12. Vay và nợ dài hạn

	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	415.490.248.446	493.114.248.446
- Vay Tập đoàn Điện lực (1)	170.490.248.446	213.114.248.446
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (2)	245.000.000.000	280.000.000.000
Cộng	415.490.248.446	493.114.248.446

(1) Là khoản vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 01/EVN- Thác Mơ/TCKT ngày 02/01/2009 với mục đích điều chỉnh cơ cấu vốn Nhà nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày 01/01/2008 đến ngày 10/10/2015, tiền gốc và lãi vay được trả mỗi năm 2 kỳ.

Lãi suất cho vay:

- Từ 01/01/2008 đến 10/10/2008: 11%/năm
- Từ 11/10/2008 đến 31/12/2008: 19,88%/năm
- Năm 2009 và 2010 lãi suất 12% (tuy nhiên sẽ được điều chỉnh tương ứng với lãi suất áp dụng để tính trong giá bán điện trong hợp đồng mua bán điện ký giữa EVN và Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ)
- Từ 2011 đến 2015: Lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi sau theo lãi suất bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cộng chi phí biên 2,5%/năm nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

12. Vay và nợ dài hạn (tiếp)

(2) Là khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2008/HĐTĐ - TCĐL ngày 09/10/2008 với mục đích tái cơ cấu nguồn vốn vay sau cổ phần hóa. Thời hạn vay tối đa là 10 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tiền gốc và lãi được trả 3 tháng/lần từ ngày 11/04/2009.

Lãi suất cho vay:

- Từ 10/10/2008 đến 10/01/2009: 19,88%/năm
- Từ 11/01/2009 đến 10/07/2010: 12%/năm
- Từ 11/07/2010 trở đi, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãi trả sau của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, cộng với lãi suất biên 3%/năm.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 55.941.500 cổ phần tương ứng với 559.415.000.000 đồng, chiếm 79,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 14.058.500 cổ phần tương ứng với 140.585.000.000 đồng, chiếm 20,08% vốn điều lệ.

13a. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ		
+ Cổ phiếu thường	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu thường	70.000.000	70.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu:</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

13b. Các quỹ

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.057.749.614	7.057.749.614
Quỹ dự phòng tài chính	12.197.387.119	3.453.588.532

